

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày ... tháng ... năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua-Khen thưởng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm: nguyên tắc khen thưởng; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn xét các hình thức khen thưởng; trình tự, thẩm quyền và hồ sơ đề nghị xét khen thưởng; Hội đồng sáng kiến và quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Nguyên tắc, đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang làm việc tại các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là cá nhân) và tập thể các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; các tập

thể, cá nhân liên quan đến việc đề nghị và xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ”.

Chương II

CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Được thực hiện theo quy định Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng và các nguyên tắc sau:

1. Đối với Tập thể trực thuộc Bộ việc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại của Bộ trưởng đối với đơn vị;
2. Đối với cá nhân, trong một năm chỉ được đề nghị xét tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ hoặc Bằng khen của Bộ trưởng (trừ khen thưởng đột xuất);
3. Đối với Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, khi xét khen thưởng công trạng (thường xuyên) sẽ căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo;
4. Đối với Thứ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, các cán bộ thuộc diện quản lý trực tiếp của Bộ trưởng do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ) xem xét theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ và căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại của Bộ trưởng.

Tiêu chuẩn, tỷ lệ đánh giá, xếp loại đối với tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định của Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị và công chức, viên chức của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đối tượng xét khen thưởng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này không tính vào tỷ lệ (%) của các đơn vị đề nghị xét khen thưởng.

Mục 1

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ CĂN CỨ, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân, bao gồm:
 - a) Lao động tiên tiến;
 - b) Chiến sỹ thi đua cơ sở;

- c) Chiến sĩ thi đua cấp Bộ;
- d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, bao gồm:

- a) Tập thể lao động tiên tiến;
- b) Tập thể lao động xuất sắc;
- c) Cờ thi đua của Bộ;
- d) Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 5. Hình thức, thẩm quyền, nội dung trong tổ chức thi đua

1. Hình thức tổ chức thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thẩm quyền phát động, chỉ đạo phong trào thi đua

- a) Bộ trưởng phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong Bộ;
- b) Khối trưởng Khối thi đua phát động và tổ chức triển khai các phong trào thi đua trong Khối;
- c) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong đơn vị do mình quản lý.

3. Nội dung tổ chức phong trào

- a) Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, tên phong trào ngắn gọn dễ nhớ, phù hợp chức năng nhiệm vụ, có nội dung, tiêu chí cụ thể;
- b) Phát động, triển khai, sơ kết, tổng kết và khen thưởng;
- c) Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

Điều 6. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định sau:

1. Cá nhân được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch công chức, hạng viên chức; người lao động đang thực hiện hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm trở lên và phải có thời gian làm việc từ 10 tháng trở lên trong năm xét khen thưởng.

2. Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân nghỉ thai sản, thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

6. Cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định, việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị, điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động biệt phái).

7. Cá nhân được cử đi làm đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài theo Đề án 1136 được xét, tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trên cơ sở đề nghị hoặc xác nhận của Trưởng cơ quan đại diện của Việt Nam tại các nước sở tại và đề nghị của Ban Quản lý Đề án 1136.

8. Cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên không được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

9. Tập thể có thời gian chính thức hoạt động từ 10 tháng trở lên trong năm xét thưởng được bình xét danh hiệu thi đua.

Điều 7. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét hằng năm vào dịp tổng kết năm công tác của đơn vị và được tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- b) Tích cực tham gia các phong trào thi đua.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” xét hằng năm vào dịp tổng kết năm công tác của đơn vị và được tặng cho cá nhân:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”

2. Được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được Thủ trưởng đơn vị công nhận hoặc chủ trì hoặc tham gia thực hiện chính đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được Hội đồng khoa học nghiệm thu. Sáng kiến được quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được áp dụng;

b) Chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản được ban hành áp dụng;

c) Chủ trì xây dựng các quy chế được ban hành áp dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành;

d) Chủ biên hoặc đồng chủ biên, tác giả dịch thuật: Sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình...;

đ) Tác giả hoặc đồng tác giả bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học.

Tỷ lệ danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” căn cứ kết quả đạt được hằng năm của đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ quy định cho phù hợp với đặc thù của đơn vị, nhưng không vượt quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ hoặc có đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong Bộ của sáng kiến hoặc đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được đề nghị xét tặng cho cá

nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Điều 11. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” xét hằng năm vào dịp tổng kết năm công tác và được cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;
2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua;
3. Có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điều 12. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” xét hằng năm vào dịp tổng kết năm công tác và được tặng cho tập thể trực thuộc Bộ và trực thuộc các đơn vị trực thuộc Bộ (cấp 2) tiêu biểu, tỷ lệ “Tập thể lao động xuất sắc” được lựa chọn không quá 70% tổng số tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
2. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
3. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
4. Có phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả.

Điều 13. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Khoa học và Công nghệ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Khoa học và Công nghệ” được xét, tặng

hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu khối thi đua;
- b) Hoàn thành sớm các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao trong năm;
- c) Có nhân tố mới, mô hình mới để các đơn vị trong Bộ học tập.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Khoa học và Công nghệ” được xét, tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Khoa học và Công nghệ phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên.

Mục 2

TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến (quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này) được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở

b) Cá nhân điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua có tác dụng nêu gương, nhân rộng trong bộ;

c) Lập được nhiều thành tích trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực quản lý của Bộ (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch cá nhân phải đảm nhận);

d) Có quá trình đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển khoa học và công nghệ (giữ chức vụ Lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương trở lên không đủ thời gian giữ chức vụ theo quy định để trình khen thưởng Nhà nước).

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được xét tặng thường xuyên hàng năm cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, triển khai tốt các phong trào thi đua;

b) Tập thể điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, có tác dụng nêu gương, nhân rộng trong bộ;

c) Lập thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Bộ (thành tích đạt được ngoài chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch tập thể phải đảm nhận).

3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xét tặng cho tập thể, cá nhân chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có quá trình đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển khoa học và công nghệ nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống của đơn vị, cụ thể:

a) Tập thể có quá trình xây dựng và phát triển từ 05 năm trở lên; liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

b) Cá nhân có thời gian công tác tại Bộ Khoa học và Công nghệ từ 10 năm trở lên; liên tục hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 02 năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

4. Các trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

Điều 15. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân, được xét tặng hằng năm cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
2. Tích cực tham gia các phong trào thi đua.

Mục 3

TRÌNH TỰ, THẨM QUYỀN VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 16. Trình tự xét khen thưởng

1. Xét và đề nghị khen thưởng

a) Khối trưởng các Khối thi đua căn cứ Hướng dẫn tổ chức hoạt động các Khối thi đua trong Bộ, hằng năm tổ chức tổng kết, tổng hợp kết quả bình xét Cờ thi đua của Khối thi đua gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

b) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân, căn cứ Thông tư này, hằng năm tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị.

Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân, tổ chức họp đơn vị để bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị. Tập thể Lãnh đạo đơn vị quyết định về kết quả khen thưởng và đề nghị khen thưởng cho tập thể và cá nhân thuộc đơn vị.

2. Thẩm định, xét và trình khen thưởng

Đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ:

a) Tiếp nhận, thẩm định, chuẩn bị hồ sơ, tổ chức Phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ để xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng (thành tích theo công trạng); Báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ hoặc thực hiện theo yêu cầu của Bộ trưởng đối với các trường hợp đề nghị đột xuất.

b) Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định khen thưởng.

Điều 17. Thẩm quyền

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân, căn cứ kết quả của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị, quyết định:

a) Công nhận các danh hiệu: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị;

b) Tặng Giấy khen.

2. Thứ trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng.

Đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ căn cứ kết quả xếp loại và đề nghị của Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, trình Thứ trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng quyết định:

a) Công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với các đơn vị trực thuộc Bộ;

b) Công nhận các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”,

danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đối với các tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị không có tư cách pháp nhân.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Quyết định công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với các Thứ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ

b) Căn cứ kết quả của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, quyết định: Công nhận Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đối với các Thứ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; công nhận Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc”, và “Cờ thi đua của Bộ Khoa học và Công nghệ”; Tặng Bằng khen của Bộ trưởng.

c) Trình khen thưởng cấp Nhà nước:

Huân chương Độc lập trở lên cho các tập thể tương đương Tổng cục, các Cục và Viện có bề dày truyền thống, liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có điển hình tiên tiến tiêu biểu; Huân chương Lao động cho các tập thể: Cục, Vụ, Viện và tương đương trở lên; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các tập thể từ cấp phòng và tương đương trở lên; Cờ thi đua của Chính phủ cho các tập thể dẫn đầu các Khối thi đua; các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho cá nhân có thành tích và quá trình cống hiến đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn hoặc trình khen thưởng đột xuất theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Các trường hợp đặc biệt, căn cứ ý kiến đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Bộ trưởng sẽ xem xét quyết định.

Điều 18. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng theo công trạng (khen thưởng thường xuyên)

1. Văn bản đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị (Mẫu 5 ban hành kèm theo Thông tư này) kèm các tài liệu:

a) Danh sách cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng cấp Bộ;

b) Danh mục sáng kiến đối với các cá nhân được đề nghị, xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”;

c) Bảng tóm tắt nội dung sáng kiến của các cá nhân (Mẫu 8 ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Báo cáo sáng kiến của cá nhân kèm theo các tài liệu minh chứng liên quan đến sáng kiến (Mẫu 3 ban hành kèm theo Thông tư này)

đ) Trích ngang thành tích đối với cá nhân, tập thể được đề nghị trình khen thưởng Nhà nước.

2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (Mẫu 6 ban hành kèm theo Thông tư này);

3. Báo cáo thành tích của cá nhân (bao gồm cả Thủ trưởng đơn vị), tập thể có xác nhận, ký tên đóng dấu (nếu có) của Thủ trưởng đơn vị (Mẫu 1 và Mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Chứng nhận hoặc xác nhận của đơn vị đối với thành tích, sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ và tài liệu minh chứng khác, cụ thể:

a) Biên bản họp Hội đồng sáng kiến kèm bảng tóm tắt nội dung các sáng kiến (Mẫu 7 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Quyết định công nhận sáng kiến (Mẫu 9 ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Tài liệu minh chứng liên quan đến kết quả của đề tài, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ;

d) Quyết định hoặc Thông báo công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ; Quyết định các danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” cho tập thể và cá nhân thuộc đơn vị; tài liệu minh chứng khác (nếu có).

Điều 19. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với các trường hợp đề nghị đột xuất

1. Văn bản đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị (nêu rõ mức độ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích đã lập được);

2. Bản tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng có xác nhận, ký tên đóng dấu (nếu có) của Thủ trưởng đơn vị (Mẫu 4 ban hành kèm theo Thông tư này);

3. Biên bản xét khen thưởng;

4. Tài liệu minh chứng liên quan (nếu có).

Điều 20. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng áp dụng thủ tục đơn giản

1. Các trường hợp áp dụng thủ tục đơn giản:

a) Khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước và tập

thể, cá nhân có thành tích do Bộ trưởng phát hiện;

- b) Khen thưởng tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất;
- c) Khen thưởng công hiến, khen thưởng đối ngoại;
- d) Khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị;
- b) Bản tóm tắt thành tích của đơn vị, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề đề nghị khen thưởng.

Điều 21. Thời gian xét khen thưởng và thông báo kết quả

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ gửi văn bản kèm hồ sơ đề nghị khen thưởng về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (qua đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ) chậm nhất vào ngày 31/12 hằng năm đối với khen thưởng theo công trạng (khen thưởng thường xuyên).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký Quyết định khen thưởng, đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ có trách nhiệm thông báo kết quả khen thưởng tới các đơn vị trực thuộc Bộ.

Mục 4

TỔ CHỨC KHỐI THI ĐUA

Điều 22. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức, hoạt động của Khối thi đua trực thuộc Bộ.

Điều 23. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân quy định về tổ chức, hoạt động của Khối thi đua trực thuộc.

Mục 5

HỘI ĐỒNG THI ĐUA-KHEN THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ. Hội đồng do Bộ trưởng làm Chủ tịch và không quá 03

Phó Chủ tịch, trong đó, Thủ trưởng đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ làm Phó Chủ tịch thường trực. Thành viên Hội đồng do Bộ trưởng Quyết định.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ có tư cách pháp nhân quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị. Thủ trưởng đơn vị là Chủ tịch Hội đồng, căn cứ tình hình thực tiễn của đơn vị, Thủ trưởng đơn vị quy định thành phần và số lượng thành viên Hội đồng cho phù hợp.

Điều 25. Nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các đơn vị có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền.

Mục 6

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 26. Thẩm quyền quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp Bộ. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến hoặc đề tài, đề án nghiên cứu khoa học của Bộ.

Hội đồng sáng kiến cấp Bộ có nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận sáng kiến, đề tài, đề án khoa học được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” trở lên.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị

Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có nhiệm vụ: Xác nhận sáng kiến được áp

dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua và các hình thức khen thưởng theo quy định.

Đối với các đơn vị không có tư cách pháp nhân, việc xác nhận sáng kiến làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua và các hình thức khen thưởng do Hội đồng sáng kiến cấp Bộ xác nhận (thành phần Hội đồng do Bộ trưởng quy định).

Điều 27. Phương thức hoạt động, quyền hạn của Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể, quyết định theo đa số (quá bán). Thành viên trong Hội đồng là người có quyền tham gia biểu quyết; hình thức biểu quyết do các thành viên Hội đồng quyết định.

2. Phương thức hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng sáng kiến cấp Bộ thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng do Bộ trưởng quy định.

3. Phương thức hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ quy định.

Mục 7

TRÌNH TỰ, NGHI THỨC CÔNG BỐ, TRAO TẶNG, ĐÓN NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 28. Trình tự, nghi thức

Trình tự, nghi thức công bố, trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Nghị định số /2023/NĐ-CP.

Điều 29. Tổ chức trao tặng

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với Bộ Khoa học và Công nghệ; tập thể trực thuộc Bộ, cá nhân nguyên là Lãnh đạo Bộ, cá nhân thuộc diện quản lý của Ban cán sự đang công tác. Cá nhân nguyên là Lãnh đạo cấp Vụ, Lãnh đạo cấp Vụ, tập thể, cá nhân của các đơn vị trực thuộc Bộ không có tư cách pháp nhân.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của

Bộ, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc đơn vị quản lý.

Mục 8

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Trách nhiệm và nguyên tắc trích lập Quỹ Thi đua, khen thưởng

1. Nguồn hình thành, mức trích và việc sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 48 và Điều 50 Nghị định số /2023/NĐ-CP.

2. Đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ căn cứ nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng hằng năm, dự toán các khoản chi phục vụ công tác thi đua, khen thưởng vào kế hoạch năm gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí hằng năm cho Quỹ Thi đua, khen thưởng của Bộ theo quy định.

4. Căn cứ quy định tại Điều 48 và Điều 50 Nghị định số /2023/NĐ-CP, các đơn vị trực thuộc Bộ có tư cách pháp nhân trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng của đơn vị theo quy định. Dự toán kinh phí vào kế hoạch năm của đơn vị để chi thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc đơn vị được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng từ cấp Bộ trở lên.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Bộ hỗ trợ, đóng góp để bổ sung Quỹ Thi đua, khen thưởng của Bộ.

6. Nghiêm cấm việc sử dụng Quỹ Thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

Điều 31. Quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ

1. Quỹ Thi đua, khen thưởng của Bộ do Văn phòng Bộ quản lý và được dùng để chi:

a) Tổ chức chỉ đạo, triển khai các phong trào thi đua của Bộ:

- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng cấp Bộ;

- Xây dựng, tổ chức phát động và triển khai các phong trào thi đua; các hoạt động của khối thi đua;

- Chi công tác phí cho cán bộ đi công tác để thực hiện việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

- Tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương,

nhân rộng điển hình tiên tiến;

b) Tiền thưởng hoặc hiện vật kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc Văn phòng Bộ; các Vụ và Văn phòng Đảng - Đoàn thể;

c) Mua khung Bằng khen, in ấn Bằng khen, các loại giấy chứng nhận của Bộ, Cờ Thi đua của Bộ và các vật phẩm khác liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng.

2. Mức tiền thưởng kèm danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 52, 53, 54, 55, 56 và Điều 57 của Nghị định số /2023/NĐ-CP và theo các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

b) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua khác nhau thì nhận được tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng;

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng;

đ) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều hình thức khen thưởng, có thời gian, thành tích đạt được các hình thức khen thưởng đó khác nhau thì nhận được tiền thưởng của các hình thức khen thưởng tương ứng.

Chương III

KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ”

Điều 32. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ” (sau đây viết tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định tặng, nhằm ghi nhận, động viên đối với cá nhân có thành tích hoặc đóng góp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Mẫu Kỷ niệm chương và Bằng chứng nhận do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định, phù hợp với quy định chung và được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

Điều 33. Nguyên tắc xét tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương được xét tặng một lần cho một cá nhân, không truy tặng. Việc xét tặng Kỷ niệm chương được tiến hành vào dịp kỷ niệm Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam hoặc xét đột xuất theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương phải bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, công bằng, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và đúng đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

3. Không đề nghị tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Điều 34. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương có quyền và trách nhiệm:

- a) Được trao Kỷ niệm chương, Bằng chứng nhận;
- b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn gửi và bảo đảm tính chính xác của hồ sơ theo quy định của Thông tư này và các quy định có liên quan về thi đua, khen thưởng.

2. Người xác nhận thành tích, cá nhân có báo cáo không trung thực về tiêu chuẩn, điều kiện để được xét tặng Kỷ niệm chương thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 35. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đã và đang công tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

- 1. Lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ
- 2. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ, Lãnh đạo các Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương được xét tặng kỷ niệm chương khi

có đủ các điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức vụ tối thiểu 5 năm đối với cấp trưởng, 08 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định;

b) Cá nhân công tác tại lĩnh vực khác được điều động sang lĩnh vực khoa học và công nghệ để bổ nhiệm các chức vụ quy định tại điểm a khoản này được đề nghị xét tặng kỷ niệm chương khi có thời gian giữ chức vụ trong lĩnh vực khoa học tối thiểu 6 năm đối với cấp trưởng, 09 năm đối với cấp phó và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định;

c) Cá nhân là nữ giữ các chức vụ quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này, thời gian được giảm 02 năm so với quy định chung.

3. Cá nhân đã và đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, đang công tác tại các Sở Khoa học và Công nghệ được đề nghị xét tặng kỷ niệm chương khi có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ.

Trường hợp cá nhân được tặng thưởng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc hoặc Huân chương Lao động trở lên được giảm 03 năm; cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được giảm 02 năm so với quy định.

4. Cá nhân công tác tại lĩnh vực khác chuyển sang lĩnh vực khoa học và công nghệ được đề nghị xét tặng kỷ niệm chương khi có đủ 22 năm công tác trở lên đối với nam, 17 năm công tác trở lên đối với nữ, trong đó có tối thiểu 10 năm công tác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian quy định.

5. Cá nhân trực tiếp làm công tác khoa học và công nghệ thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đủ 20 năm công tác trở lên đối với nam, 15 năm công tác trở lên đối với nữ.

Điều 36. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân khác có đóng góp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Cá nhân công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước;

a) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Bí thư, phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, người đứng

đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Cấp phó của người đứng đầu Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; người đứng đầu các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc, Phó Giám đốc sở, ngành và tương đương có đóng góp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ và có thời gian giữ chức vụ đủ 01 nhiệm kỳ trở lên được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

2. Cá nhân là người nước ngoài có đóng góp đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

3. Cá nhân có phát minh, sáng chế, sáng kiến, giải pháp về khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền công nhận, được ứng dụng có giá trị thực tiễn, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào kinh tế - xã hội.

4. Các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 37. Các trường hợp không được và chưa được xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân đã bị kỷ luật trên mức cảnh cáo không được xét tặng Kỷ niệm chương.

2. Cá nhân bị kỷ luật chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau khi hết thời gian thi hành kỷ luật. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

Mục 2

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 38: Thẩm quyền đề nghị

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ: Đề nghị cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý (bao gồm cả cá nhân đã nghỉ hưu đủ tiêu chuẩn, điều kiện nhưng chưa được xét tặng); Đề nghị cho cá nhân là người nước ngoài có đóng góp đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam;

b) Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ: Đề nghị cho cá nhân quy định tại khoản

1 Điều 35, khoản 4 Điều 36 Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao: Đề nghị đối với cá nhân thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Thông tư này.

3. Giám đốc các Sở Khoa học và Công nghệ: Đề nghị cho cá nhân thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, cá nhân quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 36 Thông tư này.

Điều 39. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục thông thường áp dụng đối với các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các khoản 2,3,4, 5 Điều 35; điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 36 của Thông tư này

2. Hồ sơ gồm 01 bộ (bản chính) được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính về Bộ Khoa học và Công nghệ **trước ngày 20/4** hằng năm, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (kèm tóm tắt thành tích hoặc đóng góp của cá nhân được đề nghị) của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, được quy định tại Điều 38 Thông tư này;

b) Báo cáo của cá nhân (theo Mẫu 10 ban hành kèm Thông tư này);

c) Biên bản xét tặng Kỷ niệm chương;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, giải pháp về khoa học và công nghệ của cá nhân (đối với cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 36 Thông tư này).

Điều 40. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương theo thủ tục đơn giản áp dụng đối với các đối tượng đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1 Điều 35; điểm a, điểm b khoản 1; khoản 2; khoản 4 Điều 36.

2. Hồ sơ đề nghị gồm 01 bộ (bản chính) được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính về Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, được quy định tại Điều 38 Thông tư này; kèm Danh sách trích ngang cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu 11 ban hành kèm Thông tư này đối với đối tượng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm b khoản

1 và khoản 4 Điều 36 Thông tư này;

b) Báo cáo của cá nhân được đề nghị xét tặng theo Mẫu 12 ban hành kèm Thông tư này đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư này.

Điều 41. Trình tự, thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương

Bộ Khoa học và Công nghệ (đơn vị phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này) trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Đối với hồ sơ không đúng quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, đơn vị phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ có trách nhiệm thông báo cho đơn vị đề nghị. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, đơn vị đề nghị có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ gửi lại đơn vị phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của Bộ.

2. Trình Lãnh đạo Bộ lấy ý kiến hiệp y của cơ quan liên quan đối với cá nhân là người nước ngoài;

3. Báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (trừ các trường hợp được đề nghị theo thủ tục đơn giản); hoàn thiện hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có ý kiến của thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

Điều 42. Thông báo kết quả khen thưởng

Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả khen thưởng cho cơ quan, tổ chức đề nghị khen thưởng trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định khen thưởng.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.
2. Các văn bản quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 44. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng

các cơ quan có liên quan cơ chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua đơn vị được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng) để nghiên cứu, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban Thi đua-Khen thưởng Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Bộ KH&CN;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, VP, TĐKT.

BỘ TRƯỞNG